

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**  
( Kèm theo Quyết định số                    /QĐ-SNNMT ngày            tháng            năm 2025  
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nam Định )

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Số TT      | Nội dung                                                                                       | Tổng số được<br>giao | Tổng số đã phân<br>bố | Chi cục Phát triển<br>nông thôn và<br>Quản lý<br>chất lượng |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách<br/>phí, lệ phí</b>                                         |                      |                       |                                                             |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                      |                      |                       |                                                             |
| 1          | Lệ phí                                                                                         |                      |                       |                                                             |
| 2          | Phí                                                                                            |                      |                       |                                                             |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                        |                      |                       |                                                             |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                                                                 |                      |                       |                                                             |
| 1          | Lệ phí                                                                                         |                      |                       |                                                             |
| 2          | Phí                                                                                            |                      |                       |                                                             |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                          | <b>1.025.000</b>     | <b>1.025.000</b>      | <b>1.025.000</b>                                            |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                  |                      |                       |                                                             |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                               |                      |                       |                                                             |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự<br>chủ                                                      |                      |                       |                                                             |
| <b>2</b>   | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>                                                          | <b>1.025.000</b>     | <b>1.025.000</b>      | <b>1.025.000</b>                                            |
| 2.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                 |                      |                       |                                                             |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường<br>xuyên                                                        | 1.025.000            | 1.025.000             | 1.025.000                                                   |
| 2.2.1      | Nguồn kinh phí dự án 6: Truyền<br>thông và giảm nghèo về thông tin<br>(L160-171).Mã CTMT 10476 | 525.000              | 525.000               | 525.000                                                     |

|       |                                                                                                       |         |         |         |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|---------|
|       | Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều                                                     | 525.000 | 525.000 | 525.000 |
| 2.2.2 | Nguồn kinh phí dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình (L070-098).Mã CTMT 10477 | 500.000 | 500.000 | 500.000 |
|       | Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình                                                | 470.000 | 470.000 | 470.000 |
|       | Tiểu dự án 2: Giám sát đánh giá                                                                       | 30.000  | 30.000  | 30.000  |